

Bản án số: 288/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ M, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Ly

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ M, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 866/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa 521/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Kim Q, sinh năm 1988; địa chỉ: số 309, tổ 13, ấp Long Quới 1, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Long Tân, xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị Kim Q trình bày, sau thời gian tự tìm hiểu chị và anh T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống chung đôi lúc cũng hay cãi vã, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn sống không tình cảm, bất đồng quan điểm, anh T không lo làm ăn lo

cho vợ con, chị có khuyên nhưng anh T không sửa đổi, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 05 năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 10/3/2014, Nguyễn Ngọc Tấn, sinh ngày 21.11.2018 hiện nay cháu Quý, cháu Tấn sống chung với chị Q, khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Chị Võ Thị Kim Q xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Võ Thị Kim Q xác định vợ chồng không có.

T liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 31.8.2013 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp; Giấy khai sinh của Nguyễn Ngọc Quý, Nguyễn Ngọc Tấn (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các T liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, chị Q không còn T liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Kim Q và anh Nguyễn Ngọc T do mai mối và tiến tới hôn nhân vào năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B ngày 31/8/2013 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chung sống không có tình cảm, anh T không lo làm ăn. Cha mẹ hai bên đều biết nhưng không hàn gắn, từ đó vợ chồng không còn chung sống đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh T biết nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Q. Mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2020 và cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Mặc khác, chị Q xác định không có tình cảm với anh T. Mục đích hôn nhân giữa anh T, chị Q đã không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn với chị Q đối với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 10/3/2014 và Nguyễn Ngọc Tấn, sinh ngày 21/11/2018, hiện đang sống với chị Q, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy, các cháu Quý, Tấn đang sống với chị Q ổn định về thể chất và tinh thần. Mặc khác, cháu Quý có nguyện vọng được sống với mẹ. Để ổn định cuộc sống của các cháu Quý, Tấn nghĩ nên để chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Quý, Tấn. Do chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Về T sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Kim Q và anh Nguyễn Ngọc T.

- Chị Võ Thị Kim Q được tiếp tục chăm sóc các cháu Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 10/3/2014, Nguyễn Ngọc Tấn, sinh ngày 21/11/2018. Anh Nguyễn Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Võ Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T cư trú ấp Long Tân, xã Long Điền B, huyện Chợ M. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân:

Chị Võ Thị Kim Q và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị Q, anh T thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không tình cảm anh T không lo làm ăn lo cho vợ con, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh vẫn không sửa đổi và không còn sống chung từ tháng 05 năm 2020 cho đến nay. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Q và anh T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Võ Thị Kim Q xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 10/3/2014, Nguyễn Ngọc Tấn, sinh ngày 21.11.2018, hiện nay cháu Quý, cháu Tấn sống chung với chị Q, khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu Quý, cháu Tấn sống với chị Q, các cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Quý thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị Q. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Quý, cháu Tấn. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu Quý, cháu Tấn cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về T sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Kim Q xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Thị Kim Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kim Q.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Kim Q được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 31/8/2013 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp cho chị Võ Thị Kim Q được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Chị Võ Thị Kim Q được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Quý, sinh ngày 10/3/2014, Nguyễn Ngọc Tấn, sinh ngày 21.11.2018. Anh Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Kim Q cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Ngọc T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về T sản chung: Chị Võ Thị Kim Q xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Thị Kim Q xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Q xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Q, anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Võ Thị Kim Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012763 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ M, tỉnh An Giang cấp ngày 26 tháng 10 năm 2022; Chị Võ Thị Kim Q đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Võ Thị Kim Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Ngọc T được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ M (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ M (1);
- UBND xã Long Điền B, huyện Chợ M, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn